# CHƯƠNG I

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

## 1.1 TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

## 1.1.1 Khái quát về việc học tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên.

### *1.1.1.1* *Khái niệm và vai trò của tiếng Anh chuyên ngành*

Tiếng Anh là một ngôn ngữ thuộc nhánh miền Tây của nhóm ngôn ngữ German trong ngữ hệ Ấn-Âu . Đây là ngôn ngữ sử dụng rộng rãi nhất . Nó được sử dụng là ngôn ngữ mẹ đẻ bởi một số lượng lớn người dân từ khắp thế giới.

Với xu thế hội nhập toàn cầu như hiện nay, sư gia tăng về như cầu tiếng anh là không thể tránh khỏi. Tiếng anh được coi là ngôn ngữ chung của cả thế giới và là ngôn ngữ thứ hai của nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam, do đó dạy và học tiếng Anh chiếm vai trò quan trọng trong công tác giáo dục và đào tạo ở nước ta.

**1.1.2 Một số khó khăn trong việc học Tiếng anh chuyên ngành**

***1.1.2.1* *Vốn từ vựng, cấu trúc câu hạn hẹp***

Rất nhiều sinh viên gặp khó khăn trong khi học tiếng anh vì vốn từ vựng, cấu trúc câu hạn hẹp. Mặc dù theo kết quả khảo sát có được thì có rất nhiều người bắt đầu học tiếng anh từ bậc tiểu học nhưng cho đến lúc học đại học thì vốn từ vựng và cấu trúc câu vẫn tương đối ít. Một điều chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng với cách học ghi chép các từ vựng và cấu trúc nhiều lần mà ta vẫn thường làm không hề đem lại hiệu quả cho việc ghi nhớ và giao tiếp.

### *1.1.2.2* *Không nhận ra âm tiếng anh*

Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm tiết và thanh điệu .Đặc điểm này của tiếng việt gây cản trở rất lớn trong quá trình học tiếng anh một ngôn ngữ đa âm tiết với những đặc tính phức tạp về trọng âm ,ngữ điệu .Trong tiếng anh những từ hai âm tiết trở lên luôn có một âm tiết được phát âm khác biệt hẳn so với những âm tiết còn lại về độ dài ,độ cao,độ lớn.Khó khăn mà sinh viên gặp phải đó là không nhấn vào trọng âm ,nói không có ngữ điệu.Vì người bản xứ phát âm chuẩn điều này gây cản trở khi giao tiếp rẩ nhiềuMặc dù có một số nguyên tắc về việc xác định trọng âm trong từ nhưng tiếng Anh là một ngôn ngữ có rất nhiều ngoại lệ nên tốt nhất khi học tiếng anh người học nên ghi nhớ trọng âm của từ một cách máy móc cũng như nhớ cách viết của từ đó. Tra từ điển có thể giúp người học biết được chính xác trọng âm của từ.

Ngoài trọng âm trong từ tiếng Anh còn có trọng âm của câu. Nghĩa là một số từ trong chuỗi lời nói được phát âm mạnh hơn so với những từ còn lại. Và còn những từ được người nói thường có xu hướng lên giọng ở trọng âm chính của câu và xuống giọng ở cuối câu đối với những câu trần thuật, câu yêu cầu hay câu hỏi bắt đầu bằng từ để hỏi.Cách nối các từ trong chuỗi lời nói trong học tiếng Anh .Học phát âm là phải học cả cách nối âm. Đây là một cái vô cùng khó khi nói tiếng Anh của người Việt.

### *1.1.2.3* *Thiếu tự tin trong giao tiếp*

Việc thiếu tự tin tạo một rào cản rất lớn trong quá trình cải thiện khả năng giao tiếp tiếng anh của bạn. Nó thường xuất phát từ suy nghĩ sợ sai, sợ mắc lỗi, khả năng nghe còn yếu khiến bạn e dè, rụt rè, ngập ngừng khi nói tiếng anh. Tuy nhiên đây là vấn đề xuất phát từ chính tâm lý của bản thân, nên bạn cần thay đổi chính suy nghĩ đó. Khi việc giao tiếp trở thành nổi ám ảnh thì việc học tốt tiếng anh sẽ càng trở nên xa vời hơn. Vì vậy, một rào cản trong kỹ năng giao tiếp không thể không nhắc đến đó chính là tâm lý. Để vượt qua rào cản này, bạn phải biết cách kiểm soát đươc cảm xúc của mình.

### *1.1.2.4 Không đam mê học tiếng anh*

Các trường từ tiểu học đến đại học đều có môn tiếng anh và các học sinh ,sinh viên phải học nhưng ít người thực sự có đam mê với môn tiếng anh nhưng bất cứ người học nào cũng muốn học giỏi và có thể giao tiếp tiếng Anh thật tốt. Tuy nhiên, đa số lại không muốn dành quá nhiều thời gian cũng như công sức vào học.Không ai có thể học giỏi một môn học mà bản thân người học không cảm thấy hứng thú. Với tiếng Anh cũng vậy, nếu bạn không yêu thích nó, đương nhiên nó cũng không quý mến gì bạn.

**1.1.3 Các kĩ năng học Tiếng Anh chuyên ngành**

Trong thời đại hội nhập hiện nay, để nước ta có thể tiếp cận, hít thở bầu không khí văn minh hiện đại thế giới thì ta cần phải có cầu nối. Và một trong số cầu nối quan trọng là ngôn ngữ, cụ thể là Tiếng Anh\_một ngôn ngữ quốc tế. Vì vậy, việc học Tiếng Anh cso vai trò rất quan trọng cho không chỉ với sự phát triển của cá nhân mà là của cả đất nước, thế nhưng để học Tiếng Anh hiệu quả thì phải có kỹ năng đúng đắn, nó như một động cơ và bánh lái giúp con thuyền của chúng ta đi nhanh hơn và đúng hơn trong hành trình vươn ra biển lớn tri thức nhân loại của mình Vì vậy, dưa theo **Trung tâm ngoại ngữ CFL- Đại học bách khoa hà nội 19/11/2014,** *Bí quyết tự học tiếng anh hiệu quả 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết*

### *1.1.3.1 Nghe ( Listening )*

Để việc nghe tiếng Anh trở thành một thói quen không mang tính chất gượng ép, chúng ta có thể bắt đầu nghe tiếng Anh thông qua những sở thích cá nhân như nghe nhạc, xem phim, hay xem những đoạn video clip bằng tiếng Anh trên mạng.

Phương pháp nghe chủ động cũng rất đơn giản:

Bước 1: Chọn bài nghe có phần nội dung.

Bước 2: Tập trung lắng nghe mà không nhìn nội dung trước khoảng 2 lần.

Bước 3: Lấy giấy viết ra ghi chú lại tất cả những gì bạn nghe được ở lần nghe thứ 3 và

Bước 4: Đọc lại phần ghi chú và tổng hợp lại nội dung của bài nghe theo cách bạn hiểu.

Bước 5: Lấy phần nội dung của bài nghe ra và dò lại với những gì bạn nghe được, so sánh xem chỗ nào bạn đã nghe đúng và chỗ nào nghe sai, từ nào mới thì ghi chép lại để bổ sung từ vựng cho bản thân

Bước 6: Nghe lại cả bài với phần nội dung đầy đủ.

Bước 7: Tập nghe không cần nội dung để xem xem bạn có nghe được nhiều hơn hay không.

Bước 8: Sang ngày hôm sau, trước khi tập nghe bài mới hãy mở lại bài cũ nghe 1 lần xem bản thân hiểu được bao nhiêu phần, nếu khả năng bạn hiểu được nhiều có nghĩa là bạn đã làm đúng quy trình, còn nếu vẫn cảm thấy chưa hiểu hết, điều đó có nghĩa là bạn cần phải nghe nhiều hơn nữa để tai có thể quen dần với các âm các từ của tiếng Anh.

***1.1.3.2 Nói ( Speaking )***

Sau khi học nghe được 1 vài tháng, đây chính là thời điểm tốt để các bạn tập kĩ năng Nói. Nghe được gì thì bắt chước nói lại y như vậy. Chúng ta cũng bắt đầu từ những bài nói đơn giản nhất về chào hỏi, trao đổi những thông tin cá nhân, [giới thiệu bản thân](http://giasutoeic.com/tieng-anh-giao-tiep/gioi-thieu-ban-than-bang-tieng-anh/), và dần dần nâng độ khó lên.

***1.1.3.3 Đọc ( Reading )***

Trong quá trình học nghe và đọc ta đã có được một lượng kha khá từ vựng ta bắt đầu kỹ năng đọc, với số lượng từ vựng đã có ta sẽ bắt đầu đọc những bài đọc đơn giản trong quá trình đọc ta có thể học được thêm một số từ vựng khác. Sau khi đã đủ khả năng hiểu được bài đọc, điều bạn cần là cải thiện tốc độ đọc của mình.

### *1.1.3.4 Viết ( Writing )*

Trau dồi vốn từ vựng. Để diễn đạt rõ các ý mà bạn muốn truyền tải, bạn cần có vốn từ vựng tốt. Nói một cách khác, biết nhiều từ vựng thôi chưa đủ, bạn cần phải thông thạo về cách sử dụng chúng. Để làm được điều này, hãy học từ mới qua những câu ví dụ thay vì học từ riêng lẻ.Lời khuyên cho bạn: Khi học từ mới, cố gắng học theo dạng của từ và những từ hay được kết hợp với nó. Sau đó bạn có thể viết một câu chuyện ngắn từ những từ đã học. Điều này giúp bạn nhớ từ hiệu quả hơn, đồng thời luyện tập cách sử dụng chúng.

**1.1.4 Các phương pháp học Tiếng Anh chuyên ngành**

***1.1.4.1.Học tiếng anh online***

Bạn có lịch học dày đặc ,không có nhiều thời gian rảnh ? Bạn không có thời gian để đi học trung tâm 3 buổi/tuần ? Bạn không có nhiều thời gian để xem phim nghe nhạc …. Nhưng bạn rất muốn cải thiện việc học tiếng anh của mình và bạn muốn giao tiếp tốt như những người khác ?Học tiếng anh online là phương pháp học tiếng anh mà không bị gò bó thời gian .Bạn không phải mất thời gian lên kế hoạch hoặc phải sắp xếp lịch mà moi thứ đều theo lộ trình dành riêng cho bạn và hiệu quả của phương pháp này rất cao.

***1.1.4.2.Học tiếng anh bằng hình ảnh***

Nghiên cứu khoa học đã chỉ ra rằng trí nảo của con người chúng ta dễ tiếp nhận thông tin về hình ảnh nhiều hơn gấp 25 lần so với ngôn từ.Vì vậy đây là lựa chọn tuyệt vời dành cho những bạn khổ sở với từ vựng . Bởi cách học tiếng anh hiệu quả nhất vẩn là không có áp lực nặng nề hay là căng thẳng thế nên phương pháp học tiếng anh qua hình ảnh này giúp chúng ta có thể nhớ từ vựng được nhanh hơn và nhớ được lâu hơn.

***1.1.4.3.Cách học từ vựng theo chủ đề***

Học tiếng anh theo cách tràn lan ,đây là vấn đề mà những bạn học tiếng anh gặp vất vả trong việc học từ vựng vì việc học tràn lan từ vựng không đồng nhất về chủ đề khiến các bạn dễ nhầm lẫn và dẫn đến tình trạng nhớ từ này quên từ kia nên khi học tiếng anh theo chủ đề sẽ giúp chúng ta tránh tình trạng nhanh quên và nhầm lẩn. Ví dụ theo chủ đề môn học,vật dụng gia đình .công việc,du lịch……là những từ vựng giao tiếp hàng ngày .Khi bạn học theo phương pháp này bạn có thể bao quát được toàn bộ từ vựng trong một vùng nhất định sau đó mới chuyển sang vùng khác tránh được tình trạng nhầm lẫn từ và quên từ vựng nhanh.

***1.1.4.4Học tiếng anh qua bài hát***

Bạn cảm thấy mệt mỏi mỗi khi nghe những bài listening nhàm chán mà thậm chí những bài đó chúng ta chẳng nghe được gì chẳng hiểu gì cả.Thật tuyệt vời nếu bạn vừa nghe một bài hát vừ ngân nga theo lời bài hát và học tiếng anh được luôn .Đây là phương pháp luyện nghe rất hiệu quả khi bạn không còn nghĩ là mình đang học và mệt mỏi với nó,phương pháp này rất nhiều ngừơi đã áp dụng và đạt hiệu quả rất cao.

***1.1.4.5.Học tiếng anh qua phim ảnh***

Chúng ta xem phim là để giãi trí nhưng qua đó củng là cách chúng ta có thể học được tiếng anh .Hiện nay có rất nhiều bộ phim từ nước ngoài và có tiếng anh thì chúng ta hảy tận dụng cơ hội để học tiếng anh luôn.Trong phim tiếng anh được sử dụng ở dạng giao tiếp chuẩn của họ ,vậy nên bạn có thể bắt chước được giọng điệu cho đến những cấu trúc của họ sử dụng câu trong cách nói của họ.Phương pháp này củng rất là hiệu quả cho việc học tiếng anh của mình.

***1.1.4.6.Học tiếng anh qua thành ngữ ,tục ngữ***

Cách học tiếng anh này vô cùng nhanh và có thể áp dụng được luôn trong quá trình giao tiếp nên đây là cách học mà nhiều bạn trẻ đả thành công để rèn luyện khả năng giao tiếp của mình được cải thiện nhanh chóng.Cũng như trong tiếng việt thì thành ngữ tuc ngữ hay sử dụng khi giao tiếp như một cách thể hiện ngắn gọn ,ẩn dụ hơn ,Nhưng cách học này phù hợp nhất cho những bạn sau khi đả có nền tảng tiếng anh vững vàng từ những phương pháp trên rối nhé .

## 1.1.5 Các chuẩn mực chung về trình độ tiếng anh chuyên ngành

Trên thế giới có những chuẩn mực chung được lấy làm cơ sở cho chuẩn đầu ra Tiếng Anh. Có thể kể đến một số chứng chỉ sau, trích nguồn **Khóa học Tiếng Anh**\_ *Những chứng chỉ Anh văn ở Việt Nam :*

Những điểm chung của các chứng chỉ TOEIC, TOEFL, IELTS .

* Là chứng chỉ quốc tế được thiết kế bởi các nước nói Tiếng Anh (Anh, Mỹ, Úc). Do đó nó có giá trị cao, được các nước trên thế giới công nhận rộng rãi.
* Được đánh giá bởi các chuyên gia người bản xứ mang lại độ tin cậy cao, điểm chính xác và có tính hệ thống.
* Đội ngũ kiểm tra, đánh giá và hướng dẫn ôn tập ở khắp nơi trên thế giới.

**1.2 CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI VIỆC HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH**

Đối với chương trình đào tạo tại trường.

Đối với cơ sở vật chất

Đối với bản thân sinh viên

**1.3. MÔ HÌNH GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TẠI VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI**

**1.3.1 Mô hình giảng dạy Tiếng Anh trên thế giới**

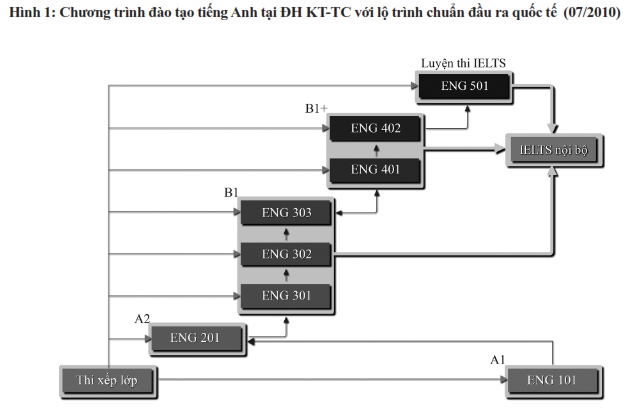
Có hai trường phái giảng dạy tiếng Anh : trường phái thứ nhất gọi tắt là BANA gồm Anh ,Úc , New Zealand, Bắc Mỹ và trường phái thứ hai ở các nước còn lại nơi dạy tiểu học , trung học , đại học gọi tắt là TESEP.

* Đối với TESEP , Tiếng Anh được dạy theo kiểu truyền thống theo cấu trúc tuần tự các bài học và tiếng Anh được dạy như một phần của chương trình học trong các trường công lập. Các yếu tố liên quan đến môi trường học chẳng hạn như khối lượng thời gian , thời gian biểu, số lượng sinh viên trong lớp , bàn ghế, trang thiết bị ,….đều ảnh hưởng đến từng cách dạy học của mỗi giáo viên đứng lớp.
* Mô hình BANA phát triển ở trường tư thục. Ở trường này, giáo viên được tự do đưa ra và áp dụng các phương pháp giảng dạy sao cho phù hợp với nhu cầu của người học. Phương pháp giảng dạy sinh động, có thể thay đổi để phù hợp với nhu cầu của người học, được các điều kiện tốt nhất và trang thiết bị lớp học hỗ trợ. Làm việc theo cặp và nhóm là các học hiệu quả trong lợp có khoảng 15 sinh viên hoặc ít hơn. Học nhiều qua thực hành và lấy sinh viên làm trung tâm.

### 1.3.2 Mô hình giảng dạy tiếng Anh ở UEF ( đại học Kinh tế\_ Tài chính)

# Bảng 2.1 : Thời lượng chuẩn CEFR

# 



*(Nguồn: Bài báo Giảng dạy Tiếng Anh tại trường UEF\_PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP\_Th.S Nguyễn Thị Thanh Hà, Th.S Nguyễn Quang Tiến)*

Hình 1 chỉ rõ cấu trúc chương trình , tính nhất quán và mức tăng trưởng dự kiến về kiến thức kỹ năng sử dụng ngôn ngữ từ trình độ tiền sơ cấp A1 đến trung cấp B1.

**CHƯƠNG II****:**

**THỰC TRẠNG NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH TẠI KHOA KẾ TOÁN TẠI ĐẠI HỌC DUY TÂN**

* 1. **KHÁI QUÁT VỀ ĐẠI HỌC DUY TÂN VÀ KHOA KẾ TOÁN ĐẠI HỌC DUY TÂN**
     1. **Khái quát về đại học Duy Tân**

Được thành lập từ ngày 11/11/1994 theo Quyết định Số 666/TTg của Thủ tướng Chính phủ, Đại học Duy Tân là trường Đại học Tư thục đầu tiên và Lớn nhất miền Trung đào tạo đa bậc, đa ngành, đa lĩnh vực. Với những bước đi thiết thực và hiệu quả trong công tác dạy và học, Đại học Duy Tân đã tuyển sinh được 3 khóa Tiến sĩ, 14 khóa Thạc sĩ với hơn 1.200 học viên; 22 khóa Đại học, Cao đẳng với hơn 70.000 sinh viên; 6 khóa Cao đẳng Nghề với hơn 1.400 sinh viên... Các ngành đào tạo tại Đại học Duy Tân khá đa dạng như: Công nghệ Thông tin, Quản trị Kinh doanh, Ngoại ngữ, Du lịch, Điện tử, Xây dựng, Kiến trúc, Y, Dược và cả các ngành Khoa học Xã hội gồm Văn - Báo chí, Quan hệ Quốc tế, Văn hóa Du lịch và Luật Kinh tế. Với 16 khóa tốt nghiệp, Duy Tân đã cung cấp cho thị trường lao động hơn 42.000 Thạc sĩ, Kỹ sư, Kiến trúc sư và Cử nhân. Sinh viên Duy Tân ra trường nhanh chóng tìm được việc làm với tỉ lệ 89% có việc làm trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp.

* + 1. **Khái quát về khoa kế toán đại học Duy Tân**

Việc đào tạo kế toán tại trường Đại Học Duy Tân có từ những ngày đầu thành lập. Trải qua gần 20 năm đào tạo, Khoa đã góp phần đáng kể trong việc cung cấp nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán cho xã hội nói chung, khu vực miền Trung-Tây Nguyên nói riêng. Khoa hiện đào tạo các bậc Đại học (2 chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp và Kế toán Kiểm toán), Cao đẳng; đào tạo liên thông từ TCCN -> Cao đẳng -> Đại học và liên thông thẳng từ TCCN -> Đại học.

* 1. **THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN VỀ VIỆC HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CHO SINH VIÊN KHOA KẾ TOÁN TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

***2.2.1* Chương trình đào tạo Tiếng Anh ở khoa Kế Toán trường Đại học Duy Tân.**

*2.2.1.1 Đối với khoa Kế Toán chuẩn quốc tế PSU*

*Theo chuyên trang đào tạo Quốc tê chuyên ngành kế toán, kiểm toán về chương trình đào tạo**:* Trong những năm gần đây, Trường Đại Học Duy Tân luôn chú trọng công tác hợp tác quốc tế và liên kết với các trường Đại Học có uy tín trên thế giới để tổ chức các chương trình đào tạo quốc tế bậc Đại Học và sau Đại Học.

Chương trình đạo tạo tiếng anh ngành kế toán ở chương trình đào tạo Quốc tế Đại học Duy Tân ,với tổng số 132 tín chỉ trong chương trình học thì tiếng anh chiếm 15 chỉ gồm :Anh văn chuyên cho sinh viên PSU 1;Anh ngữ đọc 1 ;Anh ngữ viết 1; Anh ngữ nghe 1;Anh ngữ nghe 3;Anh ngữ nói 3;Anh ngữ nghe 4 ;Anh ngữ viết 5;Anh ngữ nói 5;Anh văn đọc 6;Anh ngữ viết 6, Anh ngữ nghe 6;Anh Văn chuyên ngành cho sinh viên PSU 3.

*2.2.1.2. Đối với chương trình Tiếng Anh không chuyên tại khoa Kế Toán*

Căn cứ vào mục đích xây dựng chương trình đào tạo tiếng anh chuẩn cho khối không chuyên, mỗi năm trường tổ chức đợt thi test thử trình độ tiếng anh đầu vào cho toàn bộ sinh viên khóa mới để xếp lớp theo từng level, tránh tình trạng chênh lệch trình độ. Theo cơ bản, trường phân ra 4 kỹ năng tiếng anh gồm: nghe (listening), nói (speaking), đọc (reading), viết (writing); mỗi kỹ năng có tối thiểu 5 level và mỗi sinh viên phải hoàn thành tối đa 3 level cho từng môn, tùy theo mức độ test đầu năm; mỗi level là 1 tín chỉ

**2.2.2 Thực trạng về việc học Tiếng Anh của khoa Kế toán tại đại học Duy Tân**

Sinh viên khoa kế toán trường đại học Duy Tân đang trong tình trạng thiếu kiến thức tiếng anh cơ bản đang chiếm tỷ lệ rất cao mặc dù đã có nhiều đổi mới trong phương pháp dạy và học của trường đại học Duy Tân

Chúng ta đều biết trong tình hình hiện nay, thực tế để có một công việc như mong muốn trong tất cả các lĩnh vực thì không thể thiếu một trong những điều kiện tiên quyết đó là vốn ngoại ngữ - tiếng anh. Điều này cũng đã và đang góp phần thúc đẩy cho việc dạy và học ngoại ngữ ở trường đại học Duy Tân

Thực trạng sinh viên khoa kế toán trường đại học Duy Tân thì sinh viên cảm thấy rất chán học, đa số học với tinh thần là qua môn chớ không phải là học để lấy kiến thức, những kiến thức cơ bản đều bị mất gốc vì vậy sinh viên học thấy rất chán

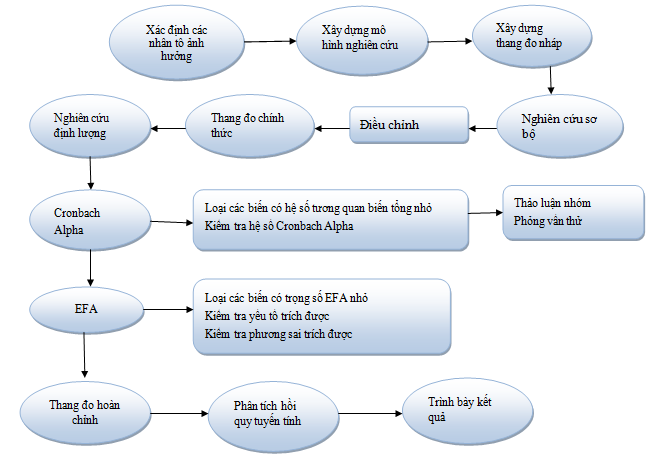
Hàng năm khoa kế toán nói chung cũng như toàn trường nói riêng tiếng anh là môn tỷ lệ sinh viên bị rớt nhiều nhất và không thể ra trường được

Trình độ của sinh viên không đồng đều và có sự khác biệt khá lớn về năng lực giữa họ. Những sinh viên học ở thành phố có điều kiện học tốt hơn là các tỉnh lẻ. Những lớp đa trình độ như vậy thì sẽ gây rất nhiều khó khăn cho giảng viên, khiến họ khó có thể quán xuyệt hết tất cả các sinh viên, từ đó gây trở ngại trong việc dạy và học

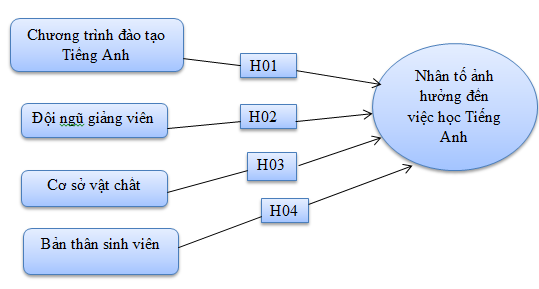
Đa số các sinh viên khoa kế toán trường đại học Duy Tân hiện nay đều mất căn bản từ khi còn học cấp 3.Tình trạng học tiếng anh của khoa kế toán trường đại học Duy Tân hiện nay là điều đáng lo ngại. Việc sinh viên học ngoại ngữ nhưng không thể sử dụng được đang xảy ra phổ biến. Do đó dẫn đến tình hình chung là khả năng sử dụng tiếng anh của sinh viên khi ra trường sẽ rất hạn chế và trong môi trường làm việc hiện nay rất khó đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng

### 2.2.3 Nguyên nhân ảnh hưởng đến việc học Tiếng Anh chuyên ngành

**2.3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

2.3.1 Tiến trình nghành

Sơ đồ 1: tiến trình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc học Tiếng Anh chuyên ngành của khoa Kế toán Đại học Duy Tân



Sơ đồ 2 : phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc học Tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên khoa Kế Toán tại trường Đại học Duy Tân.

Có thể thấy các yếu tố như cơ sở vật chất,đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo Tiếng Anh, và chính bản thân sinh viên luôn được đánh giá xem xét khi tìm hiểu các nguyên nhân cũng như nhân tố làm ảnh hưởng đến việc học Tiếng Anh của sinh viên nói chung và sinh viên khoa Kế Toán nói riêng . Do đó, chúng tôi đã lựa chọn những yếu tố trên để sử dụng trong bài nghiên cứu này trong đó:

* **Cơ sở vật chất:** Biểu hiện bên ngoài của cơ sở vật chất bao gồm phòng học, thư viện, các ứng dụng như internet, website,….
* **Chương trình đào tạo:** chương trình học Tiếng Anh cơ bản và chuyên ngành, kiến thức, phù hợp với chương trình chuyên ngành...
* **Đội ngũ Giảng viên:** Kiến thức, kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy,nhiệt tình đối với sinh viên,…
* **Bản thân sinh viên:** phương pháp học tập, thời gian, sự nỗ lực, mục tiêu,…

### 2.3.2 Giả thuyết nghiên cứu

* Giả thuyết H01: chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu học Tiếng Anh, giúp nâng cao khả năng và trình độ của sinh viên
* Giả thuyết H02: đội ngũ giảng viên là nhân tố quan trọng góp phần nâng cao khả năng về Tiếng Anh cho sinh viên
* Giả thuyết H03: Cơ sở vật chất giúp sinh viên thuận lợi trong việc tìm kiếm, học tập nâng cao Tiếng Anh
* Giả thuyết H04: Bản thân sinh viên cần có sự nỗ lực rèn luyện có thể đạt kết quả như mong muốn.

### 2.3.3 Thiết kế công cụ điều tra khảo sát (bảng hỏi)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** | **Số câu** |
|  | Thông tin cá nhân | 7 |
| I | Chương trình đào tạo | 5 |
| II | Đội ngũ giảng viên | 7 |
| III | Cơ sở vật chất | 4 |
| IV | Bản thân sinh viên | 5 |
| V | Đánh giá chung | 3 |
| Tổng |  | 31 |

### Mức độ Diễn giải

**1:** Hoàn toàn không đồng ý

**2:**Không đồng ý

**3:** Bình thường

**4:** Đồng ý

**5:** Rất đồng ý

### 2.3.4 Kết quả nghiên cứu

#### 2.3.4.1 Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Kết quả phát 450 phiếu thu hồi 420 phiếu, trong quá trình nhập liệu, làm sạch số liệu có 20 phiếu trả lời không hợp lệ. Các phiếu bị loại do người trả lời phiếu khảo sát không cung cấp đủ thông tin hoặc thông tin bị loại bỏ do người được điều tra đánh cùng một loại lựa chọn. Do vậy mẫu khảo sát chính thức còn 400 phiếu, cơ cấu của mẫu được trình bày trong Bảng 3.1đặc điểm mẫu khảo sát (chi tiết xem Phụ lục 5A).

#### 2.3.4.2 Phân tích thống kê mô tả

Sau quá trình thu thập và xử lý số liệu chúng tôi đã thống kê được như sa u

* **Khóa học**

1: K19 2: K20

3: K21 4: K22

# Bảng 2.3: Thống kê sinh viên theo khóa học

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| SINH VIÊN KHOA | | | | | |
|  | | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
| Valid | 1 | 65 | 16.3 | 16.3 | 16.3 |
| 2 | 111 | 27.8 | 27.8 | 44.0 |
| 3 | 130 | 32.5 | 32.5 | 76.5 |
| 4 | 94 | 23.5 | 23.5 | 100.0 |
| Total | 400 | 100.0 | 100.0 |  |

# *( Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017)*

Trong tổng số 400 sinh viên được khảo sát có 65 Sinh viên học khóa K19, chiếm 16.3% , 111 Sinh viên khóa K20 chiếm 27.8 %, 130 sinh viên học khóa K21 chiếm 32.5% , 94 sinh viên học khóa K22 chiếm 23.5 % Như vậy đa số sinh viên đã thuộc K20 và K21.

* **Giới tính**

1: Nam 2: Nữ

# Bảng 2.4 Thống kê cơ cấu sinh viên theo giới tính

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| GIỚI TÍNH | | | | | |
|  | | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
| Valid | 1 | 80 | 20.0 | 20.0 | 20.0 |
| 2 | 320 | 80.0 | 80.0 | 100.0 |
| Total | 400 | 100.0 | 100.0 |  |

( *Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017*)

* **Chuyên ngành**

1: Kế toán doanh nghiệp 2: Kế toán kiểm toán

# Bảng 2.5 Thống kê chuyên ngành theo học của sinh viên

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| NGANH | | | | | | |
|  | | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
| Valid | 1 | 170 | 42.5 | 42.5 | 42.5 |
| 2 | 230 | 57.5 | 57.5 | 100.0 |
| Total | 400 | 100.0 | 100.0 |  |

# 

# 

Trong 400 sinh viên khảo sát, có 170 sinh viên theo học kế toán doanh nghiếp chiếm 42,5%, 230 sinh viên theo kế toán kiểm toán chiếm 57.5%, Như vậy có sự đồng đều giữa sinh viên theo học kế toán kiểm toán và kế toán doanh nghiệp

* **Mức độ quan tâm Tiếng Anh chuyên ngành**

1: Có 2: Không

# Bảng 2.6 Mức độ quan tâm đến Tiếng Anh

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| QUANTAM | | | | | |
|  | | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
| Valid | 1 | 384 | 96.0 | 96.0 | 96.0 |
| 2 | 16 | 4.0 | 4.0 | 100.0 |
| Total | 400 | 100.0 | 100.0 |  |

# *( Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017)*

# Hình 2.4 Biểu đồ mức độ quan tâm Tiếng Anh chuyên ngành

Theo khảo sát 400 sinh viên khoa Kế Toán thì đa số đều quan tâm đến việc học Tiếng Anh chuyên ngành có tới 384 sinh viên, chiếm 96%, còn lại là không quan tâm chiếm 4%.

* **Nơi học thêm Tiếng Anh**

1: Các trung tâm ngoại ngữ nước ngoài

2: Các trung tâm ngoại ngữ trong nước

3: Học tại nhà

4: Chưa học

# Bảng 2.7: Thống kê nơi học thêm Tiếng Anh

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| NƠI HỌC | | | | | |
|  | | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
| Valid | 1 | 20 | 5.0 | 5.0 | 5.0 |
| 2 | 186 | 46.5 | 46.5 | 51.5 |
| 3 | 122 | 30.5 | 30.5 | 82.0 |
| 4 | 72 | 18.0 | 18.0 | 100.0 |
| Total | 400 | 100.0 | 100.0 |  |

# ( *Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017*)

Như vậy, ta thấy trong số 400 sinh viên đa số đã học thêm ở các trung tâm ngoại ngữ trong nước và học tập ở nhà cụ thể có 186 sinh viên học thêm ở các trung tâm ngoại ngữ trong nước chiếm 46.5%, có 122 sinh viên đang học tại nhà chiếm 30.5% , còn lại có 72 sinh viên chưa học chiếm 18% và 20 sinh viên tìm đến các trung tâm ngoại ngữ nước ngoài chiếm 5%

* **Khó khăn nhất của sinh viên khi học Tiếng Anh**

1: Lỗi phát âm 2: Thiếu vốn từ

3: Lỗi ngữ pháp 4: Trình độ nghe hạn chế

# Bảng 2.8 Khó khăn của sinh viên khi học Tiếng Anh chuyên ngành

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| KHÓ KHĂN | | | | | |
|  | | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
| Valid | 1 | 101 | 25.3 | 25.3 | 25.3 |
| 2 | 169 | 42.3 | 42.3 | 67.5 |
| 3 | 24 | 6.0 | 6.0 | 73.5 |
| 4 | 106 | 26.5 | 26.5 | 100.0 |
| Total | 400 | 100.0 | 100.0 |  |

# ( *Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017*)

Ta có thể thấy, đa số sinh viên khoa Kế Toán đều gặp khá nhiều khó khăn trong việc học Tiếng Anh chuyên ngành cụ thể là có 169 sinh viên thiếu vốn từ trầm trọng chiếm 42,3%, có 101 sinh viên mắc các lỗi phát âm chiếm 25.3%, có 106 sinh viên có trình độ nghe hạn chế chiếm 26.5%, còn lại có 24 sinh viên mắc lỗi ngữ pháp chiếm 6%.

* **Kĩ năng quan trọng nhất trong Tiếng Anh**

1: Nghe 2: Nói

3: Đọc 4: Viết

# Hình 2.7 Biểu đồ thể hiện kĩ năng quan trọng nhất trong việc học Tiếng Anh chuyên ngành

Đối với mỗi sinh viên có những suy nghĩ khác nhau về kĩ năng quan trọng nhất để học tốt Tiếng Anh chuyên ngành, đa số sinh viên đều cho rằng kĩ năng nói là quan trọng nhất cụ thể có 273 sinh viên cho rằng kĩ năng quan trọng nhất là nói chiếm 68,3% , còn lại có 89 sinh viên cho rằng nghe là kĩ năng quan trọng nhất chiếm 22,3% , 12 sinh viên nói kĩ năng đọc là quan trọng chiếm 3% và 26 sinh viên chọn viết chiếm 6.5 %

**2.4 ĐO LƯỜNG CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CỦA SINH VIÊN KHOA KẾ TOÁN ĐẠI HỌC DUY TÂN.**

### 2.4.1 Đặc điểm mẫu khảo sát

Như đã trình bày ở phần chương trước, thang đo các yếu tố tác động đến việc học Tiếng Anh gồm có 4 thành phần: (1) Chương trình đào tạo đo lường bằng 5 biến quan sát, được ký hiệu CT1 đến CT5; (2) Đội ngũ giảng viên đo lường bằng 7 biến quan sát ký hiệu GV1 đến GV7; (3) Cơ sở vật chất đo lường bằng 4 biến quan sát, được ký hiệu VC1 đến VC4; (4) bản thân sinh viên đo lường bằng 5 biến quan sát, được kí hiệu SV1 đến SV5.

**2.4.2 Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc học Tiếng Anh chuyên ngành**

***2.4.2.1 Đánh giá thang đo***

Các thang đo được đánh giá thông qua công cụ chính là hệ số Cronbach Alpha. Hệ số Cronbach Alpha được sử dụng để loại bỏ các biến rác. Các biến có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại. Tiêu chuẩn chọn thang đo khi nó có độ tin cậy Cronbach Alpha lớn hơn 0,6 (Nunnally & Burnstein, 1994).

***2.4.2.2 Hệ số tin cậy Cronbanh Alpha***

1. *Thang đo các thành phần Chương trình đào tạo*

Kết quả phân tích thông qua phần mềm SPSS 20.0 về đánh giá thang đo các yếu tố Chương trình đào tạo được thể hiện qua Bảng 2.1. Giá trị báo cáo hệ số tin cậy của thành phần Chương trình đâò tạo là 0,779. Các hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường thành phần đều đạt giá trị lớn hơn 0,3 Có giá trị báo cáo nhỏ nhất là 0,370 ( biến CT1) và giá trị báo cáo cao nhất là 0,656(biếnCT2**).**

**Bảng 2.10: Cronbach Alpha của thang đo Chương trình đào tạo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Reliability Statistics | | |
| Cronbach's Alpha | N of Items |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | |
|  | Scale Mean if Item Deleted | Scale Variance if Item Deleted | Corrected Item-Total Correlation | Cronbach's Alpha if Item Deleted |
| CT1 | 14.02 | 7.924 | .370 | .778 |
| CT2 | 14.25 | 6.469 | .656 | .702 |
| CT3 | 14.23 | 6.364 | .618 | .715 |
| CT4 | 14.05 | 6.757 | .547 | .740 |
| CT5 | 14.09 | 6.808 | .578 | .730 |

# 

##### *Thang đo đội ngũ giảng viên*

Giá trị báo cáo hệ số tin cậy Cronbach Alpha của thành phần Đội ngũ giảng viên là 0,875 Các hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường thành phần đều đạt giá trị lớn hơn 0,3. Giá trị báo cáo nhỏ nhất là 0,612 (biến GV4) và giá trị báo cáo cao nhất là 0,704 (biến GV6,GV5).

# Bảng 2.11 : Cronbach Alpha của thang đo Đội ngũ giảng viên

|  |  |
| --- | --- |
| Cronbach's Alpha | N of Items |
| .875 | 7 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Scale Mean if Item Deleted | Scale Variance if Item Deleted | Corrected Item-Total Correlation | Cronbach's Alpha if Item Deleted |
| GV1 | 22.71 | 13.299 | .688 | .852 |
| GV2 | 22.81 | 13.666 | .637 | .859 |
| GV3 | 22.62 | 13.684 | .620 | .861 |
| GV4 | 22.77 | 13.441 | .612 | .863 |
| GV5 | 22.69 | 13.303 | .704 | .850 |
| GV6 | 22.64 | 13.178 | .704 | .850 |
| GV7 | 22.71 | 13.432 | .621 | .861 |

*( Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017)*

##### *Thang đo các thành phần Cơ sở vật chất:*

Qua phân tích hệ số Cronbach Alpha ta thấy, giá trị báo cáo hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường thành phần đều có giá trị lớn hơn 0,3. Giá trị báo cáo nhỏ nhất là 0,577 (VC4) và giá trị báo cáo lớn nhất 0,692 ( VC3). Giá trị hệ số Cronbach Alpha báo cáo bằng 0,816

# Bảng 2.12 Cronbach Alpha của thang đo Cơ sở vật chất

|  |  |
| --- | --- |
| Cronbach's Alpha | N of Items |
| .816 | 4 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Scale Mean if Item Deleted | Scale Variance if Item Deleted | Corrected Item-Total Correlation | Cronbach's Alpha if Item Deleted |
| VC1 | 11.96 | 4.219 | .607 | .782 |
| VC2 | 12.01 | 3.882 | .673 | .751 |
| VC3 | 11.88 | 4.026 | .692 | .743 |
| VC4 | 12.05 | 4.280 | .577 | .796 |

*( Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhó,2017)*

# *Thang đo liên quan đến bản thân sinh viên*

Giá trị hệ số Cronbach Alpha báo cáo giá trị bằng 0,919. Giá trị hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường thành phần đều có giá trị lớn hơn 0,3. Giá trị báo cáo nhỏ nhất là 0,750 (biến SV4) và giá trị báo cáo lớn nhất 0,835(SV3).

# Bảng 2.13 Cronbach Apha của thang đo bản thân của sinh viên

|  |  |
| --- | --- |
| Reliability Statistics | |
| Cronbach's Alpha | N of Items |
| .919 | 5 |

# 

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Item-Total Statistics | | | | |
|  | Scale Mean if Item Deleted | Scale Variance if Item Deleted | Corrected Item-Total Correlation | Cronbach's Alpha if Item Deleted |
| SV1 | 15.56 | 9.500 | .772 | .905 |
| SV2 | 15.51 | 9.549 | .781 | .903 |
| SV3 | 15.47 | 9.423 | .835 | .892 |
| SV4 | 15.46 | 9.838 | .750 | .909 |
| SV5 | 15.40 | 9.433 | .819 | .895 |

##### *( Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017)*

##### *e. Đo lường mức độ hài lòng của sinh viên*

Kết quả phân tích thông qua phần mềm SPSS 20.0 về đánh giá Sự hài lòng của sinh viên về việc học tốt Tiếng Anh chuyên ngành tại khoa Kế toán qua 3 biến quan sát chung được kí hiệu HL1 đến HL3, đánh giá thông qua công cụ chính là hệ số Cronbach Alpha.Qua phân tích hệ số Cronbach Alpha ta thấy, giá trị báo cáo hệ số tương quan biến tổng của các biến đo lường thành phần đều có giá trị lớn hơn 0,3. Giá trị bá cáo nhỏ nhất là 0,695 ( HL1) và giá trị báo cáo lớn nhất 0,752 ( HL2). Giá trị hệ số Cronbach Alpha báo cáo bằng 0,852

# Bảng 2.14 Cronbach Apha đo lường mức độ hài lòng của sinh viên

|  |  |
| --- | --- |
| Reliability Statistics | |
| Cronbach's Alpha | N of Items |
| .852 | 3 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Item-Total Statistics | | | | |
|  | Scale Mean if Item Deleted | Scale Variance if Item Deleted | Corrected Item-Total Correlation | Cronbach's Alpha if Item Deleted |
| HL1 | 7.04 | 2.696 | .695 | .821 |
| HL2 | 6.92 | 2.289 | .752 | .765 |
| HL3 | 6.92 | 2.359 | .728 | .789 |

**1**

**(** *Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017)*

**2.5 KIỂM ĐỊNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VÀ ĐƯA RA CÁC GIẢ THUYẾT:**

**2.5.1 Phân tích nhân tố khám phá EFA**

# Bàng 2.15 Kết quả kiểm định KMO và Bartlett’s Test của biến độc lập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| KMO and Bartlett's Test | | |
| Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy. | | .909 |
| Bartlett's Test of Sphericity | Approx. Chi-Square | 4546.935 |
| df | 210 |
| Sig. | .000 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Component | Initial Eigenvalues | | Extraction Sums of Squared Loadings | | | Rotation Sums of Squared Loadings | | | |
| Total | % of Variance | Cumulative % | Total | % of Variance | Cumulative % | Total | % of Variance | Cumulative % |
| 1 | 7.942 | 37.817 | 37.817 | 7.942 | 37.817 | 37.817 | 4.080 | 19.430 | 19.430 |
| 2 | 2.705 | 12.880 | 50.698 | 2.705 | 12.880 | 50.698 | 3.807 | 18.128 | 37.558 |
| 3 | 1.544 | 7.353 | 58.050 | 1.544 | 7.353 | 58.050 | 2.909 | 13.852 | 51.410 |
| 4 | 1.238 | 5.897 | 63.947 | 1.238 | 5.897 | 63.947 | 2.633 | 12.537 | 63.947 |
| 5 | .867 | 4.128 | 68.075 |  |  |  |  |  |  |
| 6 | .758 | 3.609 | 71.684 |  |  |  |  |  |  |
| 7 | .655 | 3.118 | 74.802 |  |  |  |  |  |  |
| 8 | .602 | 2.867 | 77.668 |  |  |  |  |  |  |
| 9 | .540 | 2.573 | 80.241 |  |  |  |  |  |  |
| 10 | .501 | 2.386 | 82.627 |  |  |  |  |  |  |
| 11 | .487 | 2.317 | 84.944 |  |  |  |  |  |  |
| 12 | .448 | 2.135 | 87.079 |  |  |  |  |  |  |
| 13 | .425 | 2.025 | 89.105 |  |  |  |  |  |  |
| 14 | .388 | 1.849 | 90.954 |  |  |  |  |  |  |
| 15 | .369 | 1.759 | 92.713 |  |  |  |  |  |  |
| 16 | .351 | 1.673 | 94.385 |  |  |  |  |  |  |
| 17 | .318 | 1.514 | 95.900 |  |  |  |  |  |  |
| 18 | .256 | 1.221 | 97.120 |  |  |  |  |  |  |
| 19 | .216 | 1.027 | 98.148 |  |  |  |  |  |  |
| 20 | .200 | .952 | 99.099 |  |  |  |  |  |  |
| 21 | .189 | .901 | 100.000 |  |  |  |  |  |  |

# Bảng 2.16 Kết quả kiểm định Total Variance Explained của biến độc lập

( *Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017*)

# Bảng 2.17 Rotation Component Matrix( Ma trận xoay) của nhóm biến độc lập

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Rotated Component Matrixa | | | | |
|  | Component | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| GV6 | .810 |  |  |  |
| GV5 | .802 |  |  |  |
| GV7 | .705 |  |  |  |
| GV1 | .645 |  |  |  |
| GV3 | .612 |  |  |  |
| CT1 | .602 |  |  |  |
| GV2 | .587 |  |  |  |
| GV4 | .533 |  |  |  |
| SV3 |  | .842 |  |  |
| SV2 |  | .836 |  |  |
| SV5 |  | .814 |  |  |
| SV1 |  | .792 |  |  |
| SV4 |  | .790 |  |  |
| VC2 |  |  | .781 |  |
| VC4 |  |  | .737 |  |
| VC3 |  |  | .722 |  |
| VC1 |  |  | .643 |  |
| CT3 |  |  |  | .755 |
| CT5 |  |  |  | .725 |
| CT2 |  |  |  | .709 |
| CT4 |  |  |  | .687 |
| Extraction Method: Principal Component Analysis.  Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization. | | | | |
| a. Rotation converged in 6 iterations. | | | | |

( *Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017*)

* **Biến phụ thuộc**

# Bảng 2.18 : Kết quả kiểm định KMO và Bartlett’s Test của biến phụ thuộc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| KMO and Bartlett's Test | | |
| Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy. | | .728 |
| Bartlett's Test of Sphericity | Approx. Chi-Square | 527.263 |
| df | 3 |
| Sig. | .000 |

# 

# Bảng 2.19 Kết quả kiểm định Total Variance Explained của biến phụ thuộc

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Total Variance Explained | | | | | | |
| Component | Initial Eigenvalues | | | Extraction Sums of Squared Loadings | | |
| Total | % of Variance | Cumulative % | Total | % of Variance | Cumulative % |
| 1 | 2.318 | 77.277 | 77.277 | 2.318 | 77.277 | 77.277 |
| 2 | .383 | 12.782 | 90.059 |  |  |  |
| 3 | .298 | 9.941 | 100.000 |  |  |  |
| Extraction Method: Principal Component Analysis. | | | | | | |

# *( Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017)*

# Bảng 2.20 Rotation Component Matrix) của nhóm biến phụ thuộc

|  |  |
| --- | --- |
| Component Matrixa | |
|  | Component |
| 1 |
| HL1 | .862 |
| HL2 | .895 |
| HL3 | .881 |
| Extraction Method: Principal Component Analysis. | |
| a. 1 components extracted. | |

Hệ số KMO = 0.728 (>0.5) và kiểm đinhk Barlett có Sig= 0.00 (<0.05) cho thấy phân tích EFA là thích hợp.Tại mức Eigenvalues = 2.318 (>1), EFA đã rút trích được 4 nhân tố từ 26 biến quan sát với tổng phương sai trích là 77.277 % (>50%) và không có nhân tố mới được hình thành so với mô hình nghiên cứu đề xuất ban đầu

**2.5.2 Kiểm định hệ số tương quan**

# Bảng 2.21: Kết quả chạy tương quan

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Correlations | | | | | | |
|  | | HL | CT | GV | SV | VC |
| HL | Pearson Correlation | 1 | .638\*\* | .559\*\* | .380\*\* | .209\*\* |
| Sig. (2-tailed) |  | .000 | .000 | .000 | .000 |
| N | 400 | 400 | 400 | 400 | 400 |
| CT | Pearson Correlation | .638\*\* | 1 | .669\*\* | .397\*\* | .308\*\* |
| Sig. (2-tailed) | .000 |  | .000 | .000 | .000 |
| N | 400 | 400 | 400 | 400 | 400 |
| GV | Pearson Correlation | .559\*\* | .669\*\* | 1 | .423\*\* | .424\*\* |
| Sig. (2-tailed) | .000 | .000 |  | .000 | .000 |
| N | 400 | 400 | 400 | 400 | 400 |
| SV | Pearson Correlation | .380\*\* | .397\*\* | .423\*\* | 1 | .553\*\* |
| Sig. (2-tailed) | .000 | .000 | .000 |  | .000 |
| N | 400 | 400 | 400 | 400 | 400 |
| VC | Pearson Correlation | .209\*\* | .308\*\* | .424\*\* | .553\*\* | 1 |
| Sig. (2-tailed) | .000 | .000 | .000 | .000 |  |
| N | 400 | 400 | 400 | 400 | 400 |
| \*\*. Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed). | | | | | | |
|  | | | | | | |

( *Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017*)

Ta thấy rằng, các hệ số tương quan giữa biến độc lập và biến phụ thuộc đều có ý nghĩa (sig<0.05), do vậy các biến độc lập đưa vào phân tích hồi qui là phù hợp. Như vậy, giữa các thang đo về các nhân tố ảnh hưởng đến việc học Tiếng Anh chuyên ngành tại khoa Kế Toán đại học Duy Tân trong mô hình nghiên cứu không có mối tương quan tuyến tính với nhau. Vì thế, sẽ không xuất hiện đa cộng tuyến trong phân tích hồi quy. Bên cạnh đó, kết quả phân tích cũng cho thấy mức tương quan tuyến tính giữa từng thang đó trên với thang đo về các nhân tố ảnh hưởng đến việc học Tiếng Anh chuyên ngành tại khoa Kế Toán đại học Duy Tân , trong đó mối quan hệ tương quan cao nhất là giữa thang đo Đội ngũ giảng viên với r = 0.669.

**2.6 Phân tích hồi quy**

Nhằm nghiên cứu mức độ tác động của từng nhân tố đến việc học Tiếng anh của sinh viên khoa Kế Toán đại học Duy Tân, ta tiến hành phân tích hồi quy tương quan. Sử dụng mô hình hồi quy đa biến để nghiên cứu ảnh hưởng của các biến độc lập CT,GV,SV,VC đến biến phụ thuộc HL trong việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc học Tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên khoa Kế toán đại học Duy Tân

**Bảng 2.22 Tương quan giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Correlations | | | | | | |
|  | | HL | CT | GV | SV | VC |
| Pearson Correlation | HL | 1.000 | .638 | .559 | .380 | .209 |
| CT | .638 | 1.000 | .669 | .397 | .308 |
| GV | .559 | .669 | 1.000 | .423 | .424 |
| SV | .380 | .397 | .423 | 1.000 | .553 |
| VC | .209 | .308 | .424 | .553 | 1.000 |
| Sig. (1-tailed) | HL | . | .000 | .000 | .000 | .000 |
| CT | .000 | . | .000 | .000 | .000 |
| GV | .000 | .000 | . | .000 | .000 |
| SV | .000 | .000 | .000 | . | .000 |
| VC | .000 | .000 | .000 | .000 | . |
| N | HL | 400 | 400 | 400 | 400 | 400 |
| CT | 400 | 400 | 400 | 400 | 400 |
| GV | 400 | 400 | 400 | 400 | 400 |
| SV | 400 | 400 | 400 | 400 | 400 |
| VC | 400 | 400 | 400 | 400 | 400 |

# 

# Bảng 2.23 Hệ số R-Spuare từ kết quả phân tích quy hồi

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Model Summaryb | | | | | |
| Model | R | R Square | Adjusted R Square | Std. Error of the Estimate | Durbin-Watson | |
| 1 | .677a | .459 | .453 | .558 | 1.845 | |
| a. Predictors: (Constant), VC, CT, SV, GV | | | | | | |
| b. Dependent Variable: HL | | | | | | |

# 

( *Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017*)

Kết quả cho thấy tất cả biến độc lập đều có tác động có ý nghĩ đến biến phụ thuộc (sig<0.05), các nhân tố đưa vào phân tích quy hồi đều được giữ lại trong mô hình.Hệ số xác định hiệu chỉnh Adjusted R Square là 0.453, nghĩa là biến độc lập VC,CT,SV,GV ảnh hưởng 45,3% sự thay đổi của biến phụ thuộc HL, còn 54,7% do sự kiểm soát ảnh hưởng của biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên.

# Bảng 2.24 Sự phù hợp của mô hình quy hồi đa biến

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ANOVAa | | | | | | |
| Model | | Sum of Squares | df | Mean Square | F | Sig. |
| 1 | Regression | 104.323 | 4 | 26.081 | 83.715 | .000b |
| Residual | 123.059 | 395 | .312 |  |  |
| Total | 227.382 | 399 |  |  |  |
| a. Dependent Variable: HL | | | | | | |
| b. Predictors: (Constant), VC, CT, SV, GV | | | | | | |

# 

Kiểm định F sử dụng trong bảng phân tích phương sai vẫn là một phép giả thuyết về độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính tổng thể. Kết quả phân tích cho thấy, kiểm định F có giá trị là 83,715 với Sig. = 000(a) chứng tỏ mô hình hồi quy tuyến tính bội là phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được để suy rộng ra cho tổng thể

# Bảng 2.25 Kết quả phân tích hồi quy

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Coefficientsa | | | | | | | | |
| Model | | Unstandardized Coefficients | | Standardized Coefficients | t | Sig. | Collinearity Statistics | |
| B | Std. Error | Beta | Tolerance | VIF |
| 1 | (Constant) | .353 | .215 |  | 1.636 | .103 |  |  |
| CT | .531 | .060 | .449 | 8.869 | .000 | .535 | 1.868 |
| GV | .312 | .068 | .240 | 4.554 | .000 | .495 | 2.019 |
| SV | .168 | .046 | .170 | 3.658 | .000 | .632 | 1.583 |
| VC | .156 | .053 | .105 | 2.717 | .004 | .648 | 1.542 |
| a. Dependent Variable: HL | | | | | | | | |
| ( *Nguồn số liệu trích từ điều tra thống kê của nhóm,2017*) | | | | | | | | |

# Các nhân tố ảnh hưởng đến việc học Tiếng Anh của sinh viên khoa Kế Toán đại học Duy Tân =0.531 Chương trình đào tạo+ 0.312 Đội ngũ giảng viên+0.168 Bản thân sinh viên+ 0.156 Cơ sở vật chất.

Kết quả thống kê còn cho thấy, các hệ số hồi quy chuẩn hóa của phương trình hồi quy đều khác 0 và Sig.<0.05, chứng tỏ thành phần đều tham dự vào Đánh giá chung về các nhân tố ảnh hưởng đến việc học Tiếng Anh của sinh viên khoa Kế Toán đại học Duy Tân. So sánh giá trị (độ lớn) của hệ số chuẩn hóa cho thấy: tác động theo thứ tự từ mạnh đến yếu của các thành phần:chương trình đào tạo (CT),đội ngũ giảng viên (GV), bản thân sinh viên(SV) ,cơ sở vật chất( VC).

**2.7 Kết quả nghiên cứu**

Tổng hợp kết quả kiểm định mô hình hồi qui với 4 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc

# Bảng 2.26 Tổng hợp đánh giá kết quả kiểm định giả thuyết

|  |  |
| --- | --- |
| **Giả thuyết** | **Kết quả kiểm định** |
| Giả thuyết H01: chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu học Tiếng Anh, giúp nâng cao khả năng và trình độ của sinh viên | Chấp nhận |
| Giả thuyết H02: đội ngũ giảng viên là nhân tố quan trọng góp phần nâng cao khả năng về Tiếng Anh cho sinh viên | Chấp nhận |
| Giả thuyết H03: Cơ sở vật chất giúp sinh viên thuận lợi trong việc tìm kiếm, học tập nâng cao Tiếng Anh chuyên ngành | Chấp nhận |
| Giả thuyết H04: Bản thân sinh viên cần có sự nỗ lực rèn luyện có thể đạt kết quả như mong muốn. | Chấp nhận |

# Qua bảng trên chúng ta thấy các giả thuyết H01, H02, H03, H04 đều được chấp nhận, vì khi tăng những yếu tố này sẽ làm gia tăng mức độ hài lòng của sinh viên về việc học tốt Tiếng Anh tại khoa Kế Toán, hay nói cách khác khi cảm nhận của sinh viên về việc học tốt Tiếng Anh tại khoa Kế Toán

# CHƯƠNG III

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CHO SINH VIÊN KHOA KẾ TOÁN

## 3.1 NHẬN XÉT CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CƠ BẢN CỦA ĐẠI HỌC DUY TÂN

Đội ngũ giảng viên dạy tiếng Anh cho ngành không chuyên gồm có 31 giảng viên, công tác giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên được đầu tư bài bản. Ngoài ra, cơ sở vật chất, các chương trình đào tạo tiến tiến luôn được nhà trường cập nhật, đổi mới để theo kịp nhu cầu nhân lực cho thị trường trong nước và cả nước ngoài.Kết quả: Với sự nổ lực trường đại học Duy Tân cũng như đội ngữ giảng viên, theo thống kê 2015-2016 có 97,92% sinh viên đáp chuẩn đầu ra lấy bằng tốt nghiệp.

Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh ở mức độ tương đối thành thạo trong các tình huống giao tiếp....Bảo đảm cho sinh viên đạt được trình độ nghiệp vụ đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như giảng dạy, công tác Biên-Phiên dịch, các lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ, kinh doanh, kinh tế và xã hội. Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tụ học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành Tiếng Anh

## 3.2 GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CHO SINH VIÊN KHOA KẾ TOÁN

Đối với sinh viên việc học tốt Tiếng Anh có nhiều lợi ích: đem lại cơ hội việc làm đồng thời nâng cao kĩ năng mềm vì vậy cần có một giải pháp hợp lý để nâng cao hiệu quả học Tiếng Anh cho sinh viên khoa Kế Toán.

### 3.2.1 Trách nhiệm của nhà trường trong việc tạo điều kiện môi trường học Tiếng Anh chuyên ngành

Khi xây dựng chương trình cần chú ý các biện pháp mang tính chiến lược về việc phát triển vốn thuật ngữ chuyên ngành. Trong những môn học có thể lồng ghép các từ ngữ chuyên ngành hay có những môn học riêng về Tiếng Anh chuyên ngành song song với việc học Tiếng Anh cơ bản

Hiện nay, Tiếng Anh chuyên ngành được áp dụng rất ít trong quá trình học tập chỉ trừ chương trình đào tạo chuẩn quốc tế như PSU ,… vì vậy khả năng nhận biết về Tiếng Anh chuyên ngành còn rất hạn chế nên có thể đào tạo thêm cho các giảng viên bộ môn kiến thức về Tiếng Anh chuyên ngành trong quá trình giảng dạy có thể giảng dạy thêm về các thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành

Đặc biệt, đối với các sinh viên Khoa Kế Toán ,các thuật ngữ chuyên ngành được dùng rất nhiều và phổ biến trong quá trình đi đi làm hoặc cần thiết để có một công việc tốt hơn khi mà đất nước hội nhập cơ hội việc làm được cạnh tranh rất cao. Việc đưa Tiếng Anh chuyên ngành vào quá trình giảng dạy và cần thiết.

### 3.2.2 Phương pháp giảng dạy của giảng viên

Mỗi giảng viên phải ý thức đổi mới phương pháp giảng dạy liên tục, đồng thời dám mạnh dạn loại bỏ những yếu tố không phù hợp trong phong cách giảng dạy.Trước thềm hội nhập với các nước bên ngoài, tiếng Anh một ngôn ngữ không chỉ còn là một môn học chính thức mà là môn học bắt buộc được quan tâm hàng đầu. Việc dạy và học không chỉ trang bị cho sinh viên những kiến thức ngữ pháp chắc chắn mà còn tạo cho sinh viên khả năng nghe tốt....

* Thường xuyên tổ chức các buổi ngoại khóa thu hút sinh viên tham gia đặc biệt là tạo các sân chơi nhỏ cho sinh viên với khách du lịch nước ngoài, giảng viên cần chủ động tạo điều kiện cho sinh viên giao tiếp với nhau bằng tiếng Anh.
* Với những bài giảng sinh động cũng như phương pháp giảng dạy kết hợp với các video học tập hoặc giờ làm bài tập nhóm . Cần linh hoạt tạo không khí thoải mái khi giao tiếp.
* Giảng viên phải lựa chọn bài tập hay đề ra yêu cầu học tập phù hợp với trình độ học tập của người học viên. Đặc biệt, trong khi dạy nghe nói, giảng viên phải là người gợi mở cho sinh viên cách khai chuyển ý tưởng cũng như cách sử dụng từ nối, có thể liệt kê những từ mới có thể sử dụng trong bài nói hay những bài tập có liên quan đến chủ đề sinh viên sắp nói. Có như vậy, sinh viên mới chuẩn bị những kiến thức để nói tốt.

**3.2.3 Trách nhiệm và khả năng của sinh viên**

Những bài học đầu tiên khi sinh viên bắt đầu làm quen với môi trường học mới được xem là những kiến thức cơ bản, là nền tảng, là những bước đi tiên quyết, mở đầu và làm cơ sở cho những bài học tiếp theo trong quá trình tiếp thu, lĩnh hội.Việc học ngoại ngữ nói chung và việc học tiếng Anh nói riêng được ví như các bước trình tự để xây dựng một ngôi nhà hay một công trình xây dựng.Khi người kĩ sư thiết kế cho một công trình xây dựng thì bước đầu tiên bao giờ cũng phải tính toán để làm sao có thể tạo dựng một nền móng, cột trụ thật vững chắc, làm nền cho những viên gạch hồng tiếp theo.Ngược lại , nếu như họ không chú ý ngay từ những bước đầu thì dù cho những viên gạch sau này có được chát vôi vữa kĩ đến đâu hay người thợ có cố gắng đến mấy thì sớm muộn gì công trình đó cũng bị hư hại hoặc là bị sụp đổ..

Để quyết định thành công của việc học tốt tiếng Anh chính là sự quyết tâm nỗ lực của bản thân người sinh viên. Vì vậy, trước tiên cần xác định rõ lợi ích của việc học tiếng Anh

* Mỗi người đều có những động cơ, mục tiêu học tiếng anh riêng nhưng tất cả đều hướng tới sự hoàn thiện và phát triển bản thân trong thời kỳ hội nhập.
* Đồng thời, ở trong xã hội ngày càng coi trọng về mặt chất lượng để có một công việc tốt ngoài việc học kiến thức chuyên ngành thì Tiếng Anh chuyên ngành cũng rất cần thiết. vì vậy trau dồi Tiếng Anh chuyên ngành cũng như Tiếng Anh cơ bản là điều cần thiết.
* Bất kể bạn chọn lối nghiệp nào, cho dù ngành tin học, kỹ thuật, du lịch… có một khả năng giao tiếp tiếng anh mạnh mẽ sẽ tăng đáng kể xá suất thành công của bạn. Nói chung, bạn phải hơn hẳn những người trong lĩnh vực nghề nghiệp và trên địa bàn như mình thì bạn sẽ có cơ hội làm việc với mức lương cao.
* Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay doanh nghiệp Việt Nam đều giao tiếp với khách hàng quốc tế và các nhà cung cấp 100% bằng tiếng anh, thậm chí đối với các email nội bộ. Vì vậy, với trình độ tiếng anh hạn chế sẽ không giúp bạn phát triển nghề nghiệp quan hệ quốc tế được. Khi nói chuyện với người nước ngoài họ sẽ đánh giá đẳng cấp của bạn và giá trị của bạn đối

với họ bằng cách bạn sử dụng tiếng Anh.

#### 3.2.3.1 Sinh viên cần có thái độ, động cơ học tập rõ ràng trong việc học

Cho dù thời gian bạn dành cho học tập nhiều hay ít thì đây là yếu tố quan trọng nhấtác động đến việc học tập của bạn. Bạn sẽ không bao giờ đạt kết quả nếu như không có một thái độ học tập đúng. Thái độ học tập là do động cơ quyết định. Bạn nên xác định :”Học để làm gì?”, “ Học cho ai ?”. Học tập là để phát triển toàn diện nhân cách, học tập để có sự thành đạt cá nhân, để cống hiến cho cộng đồng. Nếu không có thái độ đúng, bạn sẽ không thể nỗ lực hết mình và vượt qua được mọi khó khăn.

* Học tập lạc quan, tích cực: đây là yếu tố then chốt, góp phần thành công của rất nhiều con người thành đạt.
* Học tập có mục đích: nếu bạn lấy mục đích học tập về điểm số thì việc học tập đối với bạn sẽ chỉ là công việc cực nhọc mà thôi. Mỗi bạn, đương nhiên sẽ có một mục đích riêng, nhưng khuyên bạn không nên học tập vì điểm. Hãy xác định mục đích cho việc học của mình, ví dụ như khi học tiếng Anh thì xác định mình học nó để tiếp cận nền tri thức đồ sộ của nhân loại, học để giao lưu với bạn bè quốc tế....

Chính vì vậy,chúng ta phải học tập lạc quan tích cực đây là yếu tố then chốt góp phần quan trọng vào thành công của bạn rất nhiều. Học tập có mục đích, học cho tương lai chúng ta tốt đẹp và tươi sáng hơn.

***3.2.3.2 Sinh viên cần có phương pháp học tập hiệu quả***

Kế hoạch cụ thể: hãy lập ra thời gian biểu cụ thể, xác định mục tiêu cần đạt được trong ngày hôm nay, hãy học một cách chăm chỉ như kế hoạch đã vạch ra. Một bản kế hoạch thật chi tiết, cụ thể và bước cuối cùng là thực hiện, kiên trì với kế hoạch của mình. Bí quyết để thực hiện được việc khó khăn này là hãy luôn suy nghĩ tích cực và đặt niềm tin vào chính bản thân mình. Chắc rằng với bất kì ai, khi mới bắt đầu tự học tiếng Anh cũng đều gặp phải khó khăn khi thực hiện những công việc dù đã được lên lịch sẵn, do đó hãy kiên trì và giữ cho mình niềm tin để vượt qua, bạn sẽ trở thành người dẫn đầu.Tư duy một cách hiệu quả: vận dụng cả hai bán cầu não của mình, vẽ sơ đồ tư duy theo chủ đề hay ứng dụng từ vựng, mẫu câu ...tiếng Anh trong từng trường hợp cụ thể để nhớ lâu hơn.

Cách học hiệu quả:

* Rèn luyện kỹ năng nghe
* Nghe thụ động
* Nghe không cần hiểu
* Nghe với hình ảnh động
* Nghe chủ động
* Nghe các bài hát tiếng anh nhiều
* Một số bài Audio trong các forum tiếng anh
* Bản tin tiếng anh special English và các bài hát tiếng anh hay trên các phương tiện truyền thông rất đa dạng và phổ biến như Ted, VOA, BBC,..
* Rèn luyện từ vựng: Đối với sinh viên các ngành không chuyên thì vốn từ vựng rất là ít,vì vậy chúng ta phải luôn trao dồi những từ mới. Vậy làm sao để có thể học thuộc một cách nhanh chóng và nhớ được đó là một vấn đề? Ngày qua ngày góp nhặt từ vựng, vốn từ của bạn sẽ tăng lên. Dùng một quyển sổ để viết các từ và cụm từ . Không chỉ để ghi các từ vựng thường gặp, bạn hãy ghi hết các cụm từ, câu văn để nhớ được rằng từ đó dùng như thế nào. Sau khi học xong hãy ôn lại từ mới bạn vừa học một cách thường xuyên. Khi ta học thì cần phải ghi ra giấy để nhớ không nên học vẹt, học từ nào nhớ từ nấy:
* Học theo cụm từ
* Củng cố kỹ năng đọc văn bản
* Luyện tập thường xuyện
* Tìm ra mẹo để dễ nhớ từ
* Làm các bài kiểm tra về từ vựng
* Tạo hứng thú học từ vựng
* Rèn luyện kỹ năng nói
* Tận dụng tối đa giờ luyện tập trên lớp, tại các trung tâm anh ngữ
* Khắc phục tính nhút nhát và sợ sai
* Cần phải nói thật nhiều, sai thì chúng ta sửa dần dần rồi cũng được
* Tập thói quen tự tin dám nói trước đám đông, nếu học tại các trung tâm với người nước ngoài thì cần phải giao tiếp nhiều
* Có thể tập nói trước gương hoặc nói trên mạng trực tuyến
* Có thể tham gia các buổi ngoại khóa hoặc chương trình giao lưu với người nước ngoài. Làm công việc part time như hướng dẫn viện cho người nước ngoài về văn hóa lịch sử Việt Nam
* Rèn luyện đọc
* Bạn nên đọc bất cứ cái gì gây hứng thú cho bạn
* Sẽ chẳng có ích gì nếu bạn đọc những thứ bạn không hiểu hay không có hứng thú. Điều quan trọng là bạn đọc thứ mà bạn cảm thấy hay và đọc càng thường xuyên càng tốt
* Đọc tin tức: Mỗi ngày, dành ít thời gian để đọc một mẫu tiếng anh nào đó. Thói quen này sẽ giúp bạn tăng nhanh vốn từ vựng về nhiều lĩnh vực khác nhau
* Mỗi ngày dành thời gian 1-2 tiếng nghe các bài đọc trên youtube nghe cách phát âm chuẩn của người Mỹ
* Rèn luyện kỹ năng viết
* Khi đã vững về từ vựng và ngữ pháp bạn có thể luyện tập kỹ năng viết. Kỹ năng viết bằng tiếng anh không khác gì tiếng việt, chỉ khác nhau ở cách sắp xếp vị trí câu, từ... còn nghĩa thì vẫn như nhau
* Bạn chỉ cần suy nghĩ nội dung chính, sắp xếp ý và viết theo dàn bài ấy. Bắt đầu viết những đoạn văn ngắn, đơn giản. Ngữ pháp chỉ cần ngắn gọn, đơn giản để đảm bảo sự chính xác

Học ngoại ngữ là cả quá trình tu luyện, yếu tố chăm chỉ là rất quan trọng nhưng xác định cho mình cách học phù hợp mới là yếu tố quyết định. Bạn hoàn toàn có thể có cách học riêng mà mình yêu thích. Ví dụ bạn là người có sở thích nghe, bạn hãy nghe những bài hát, các phim và bản tin tiếng Anh. Nếu bạn là người yêu thích hình ảnh, bạn có thể xem những cuốn truyện tiếng Anh có hình ảnh hoặc tạp chí tiếng Anh.

* Về thời gian học tập:Với thời gian học tập hiệu quả thường khoảng 45 phút sau đó hãy nghỉ ngơi thư giãn một chút. Xác định thời điểm học tập cũng rất quan trọng, các bạn nên xem thử giờ nào là mình cảm thấy tập trung để học tập hiệu quả nhất.
  + - 1. ***Vê không gian học tập cần thiết***
* Hãy ngồi gần cửa sổ, càng tiếp xúc với ánh sáng tự nhiên và luồng không khí lưu thông đều trong phòng.
* Nếu có thể bạn hãy tìm nhạc không lời được nhiều người lấy làm nhạc nền khi học. Người ta nói rằng loại nhạc này có thể rút ngắn thời gian học tiếng Anh hiệu quả từ 3 năm xuống còn 3 tháng.
* Bên cạnh đó, bạn cũng có thể đến các quán cà phê thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện tiếng Anh với người nước ngoài, qua đó mình có thể nâng cao trình độ nói tiếng Anh.
  + - 1. ***Động lực và đam mê***
* Để luôn giữ ngọn lửa đam mê trong mình hãy liệt kê hết những lý do bạn phải học tiếng anh như: Để kiếm được nhiều tiền, xin việc dễ hơn, học để có thể nói chuyện với người nước ngoài, học để vượt bạn gái, học để chứng tỏ bản thân…Hãy chọn ra một vài lý do mà bạn thực sự tâm đắc nhất để lấy đó làm kim chỉ nam cho những bước đi tiếp theo trên con đường chinh phục tiếng Anh.
* Khi bạn tự tin nói tiếng Anh tức là bạn đã vượt qua khó khăn và chán nản ban đầu và bạn sẽ thấy ham thích môn ngoại ngữ này lúc nào không hay. Khắc phục và tự hoàn thiện những yếu điểm này, bạn sẽ thấy để “giỏi tiếng Anh” cũng không đến nỗi quá xa so với sức của mình.
  + - 1. ***Môi trường rèn luyện tiếng Anh:***
* Tham gia câu lạc bộ anh văn – tin học của trường:

Ở câu lạc bộ tiếng Anh là nơi tập hợp những nhóm người có chung sở thích tiếng Anh – câu lạc bộ tiếng Anh mang đến một môi trường cho các thành viên học tập, hướng đến hoàn thiện các kĩ năng tiếng Anh.

câu lạc bộ tiếng Anh còn mang đến cho các thành viên cơ hội để rèn luyện các kĩ năng “mềm” như kĩ năng phản xạ khi giao tiếp, kĩ năng thuyết trình, khả năng phản biện trước đám đông…

* Đi làm thêm: bạn có thể làm việc bán thời gian tại những quán cà phê có người nước ngoài. Qua đó, bạn sẽ rèn được kĩ năng nói tiếng Anh của mình, dần dần sẽ cải thiện được trình độ tiếng Anh.
* Để trau dồi tiếng Anh và có kiến thức nền tảng nhất định như về ngữ âm, ngữ pháp, phát âm...bạn có thể tham gia các lớp tiếng Anh ngắn hạn, các trung tâm tiếng Anh đào tạo chuyên sâu.
  + - 1. ***Sinh viên cần có niềm tin vào bản thân***
* Niềm tin là yếu tố quan trọng nhất giúp bạn thực hiện bất kì công việc gì ở bất kì lĩnh vực nào. Bạn sẽ chẳng thể thành công nếu luôn để sự nghi ngờ tồn tại trong tâm trí. Vì nó chính là rào cản lớn nhất khiến bạn không thể tự tin đưa ra và thực thi bất cứ dự định gì. Vì vậy, hãy loại bỏ những suy nghĩ như “ mình dốt”, “mình không có năng khiếu”.... ra khỏi đầu và đặt niềm tin vào chính bản thân mình.
* Có rất nhiều tấm gương sáng học tiếng Anh từ con số không và họ vẫn thành công. Vì vậy, dù bạn ở trình độ nào, thì chắc chắn bạn cũng sẽ làm được như họ.
  + - 1. ***Sinh viên cần hiểu thông tin mọi nơi***
* Thư viện trường của chúng ta, hiện nay có nguồn sách hỗ trợ việc học tiếng Anh rất phong phú, bạn có thể mượn về nhà tự học để nâng cao trình độ tiếng Anh của mình. Có khá nhiều sách phục vụ cho việc nghe, giao tiếp, ngữ pháp, bài tập ứng dụng và những quyển sách luyện thi Toeic, những quyển sách kể chuyện bằng tiếng Anh.... Từ đó, sẽ giúp cho các bạn nhiều hơn việc cải thiện trình độ tiếng Anh của mình.
* Sách báo cũng như internet cũng là công dụng hữu ích cho bạn tìm hiểu thông tin
* Tham gia các buổi học ở trên lớp đầy **đủ** Kiến thức ở trường chính là hành trang cơ bản cho công việc của sinh viên sau này, là gốc để sinh viên tiếp thu những kiến thức cao hơn.
* Chăm chú nghe thầy cô giảng bài và ghi chép đầy đủ. Thông qua buổi học bạn có thể tiếp nhận kiến thức từ thầy cô, hỏi những điều còn chưa hiểu. Việc ghi chép là rất cần thiết để sinh viên có thể nhớ lâu và có thể xem lại mỗi khi quên.

#### 3.2.3.8 Tự học là phương pháp tốt để cải thiện khả năng về Tiếng Anh chuyên ngành

* Trong quá trình tự học sinh viên có thể tìm thấy những kiến thức mới mà mình không hiểu hoặc chưa rõ là áp dụng như thế nào, từ đó có thể hỏi giảng viên, bạn bè. Như vậy, thì bạn đã lấp đầy thêm cho mình kiến thức, dần dần sẽ cải thiện trình độ tiếng Anh.
* Khi tự học ở nhà bạn sẽ có kĩ năng đánh giá và kiểm tra lượng kiến thức của mình. Để từ đó đề ra những phương pháp, kĩ năng để rèn luyện tiếng Anh tốt hơn. Phát hiện những chỗ thiếu hụt về kiến thức, những sai lầm trong nhận thức .... để từ đó tìm cách bổ sung, khắc phục.